

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 363/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2019

V/v “*Không công nhận quan hệ vợ
chồng; tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năng

2. Ông Nguyễn Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Tổ 8, Ấp Bình Ph 2, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An G.

Bị đơn: Ông Phan Văn Nh, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Tổ 37, Ấp Phú A 2, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An G.

(Bà A, ông Nh có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 05/8/2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Trần Thị A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nh kết hôn vào năm 2006, hôn nhân tự tìm hiểu không tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Nh thường hay có rượu về nhà là đả đập và dùng dao chém bà. Bà cố gắng chịu đựng, khuyên răn ông Nh, Nhưng không thay đổi. Trong cuộc sống vợ chồng, chưa bao giờ ông Nh quan tâm đến vợ con. Giữa bà và ông Nh đã ly thân nhau

từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông Nh cũng có đến nhà cha mẹ ruột bà năn nỉ, hàn gắn tình cảm. Nhưng không thể hàn gắn được tình cảm, do ông Nh vẫn tiếp tục đả đập bà. Nay bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Nh, nên yêu cầu được ly hôn

- **Về con chung:** Có 02 con chung cháu Trần Văn Vạn Y, sinh ngày 14/5/2007 và Trần Văn Nghia, sinh ngày 27/02/2015. Hiện nay, cháu Y đang sống với ông Nh, cháu Ngh đang sống với bà. Khi ly hôn bà đồng ý giao cháu Y cho ông Nh tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Ngh bà đồng ý nuôi, không yêu cầu ông Nh phải cấp dưỡng

- **Tài sản chung, nợ chung:** không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Phan Văn Nh trình bày tại tờ tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa cùng ngày 10/9/2019 :

- **Về hôn nhân:** Ông thống nhất lời trình bày của bà A về thời gian vợ chồng về chung sống với nhau. Giữa ông và bà A không tổ chức đám cưới, cũng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà A có những quan hệ không rõ ràng trong các mối quan hệ làm ăn với bà A. Cũng vì nguyên nhân này, ông bức tức nên đã đả đập bà A. Việc dùng dao cũng có, nhưng chỉ là hăm dọa bà A. Ông và bà A ly thân hơn 01 năm nay, trong thời gian ly thân, ông có đến nhà cha mẹ ruột bà A xin lỗi, năn nỉ bà A về chung sống. Bà A vẫn không đồng ý. Trước yêu cầu ly hôn của bà A, ông đồng ý

- **Về con chung:** Có 02 con chung cháu Trần Văn Vạn Y, sinh ngày 14/5/2007 và Trần Văn Ngh, sinh ngày 27/02/2015. Hiện nay, cháu Y đang sống với ông, cháu Ngh đang sống với bà A. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Ngh cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Y ông đồng ý nuôi, không yêu cầu bà A phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Tuy nhiên, giữa bà A và ông Nh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, cho đến nay vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đối với yêu cầu “Ly hôn” của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp giữa bà A với ông Nh là “Tranh

chấp khác về Hôn nhân và Gia đình” được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phan Văn Nh có nơi cư trú tại tổ 37, ấp Bình A 2, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An G. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các thông báo văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ngày 25/9/2019 bà A và ông Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Căn cứ đơn xác nhận tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông Nh ngày 31/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang: Xác nhận qua kiểm tra hộ tịch trong sổ đăng ký kết hôn không tìm thấy tên bà A và ông Nh. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân được quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà A và ông Nh là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Bà A, ông Nh có 02 con chung cháu Trần Văn Vạn Y, sinh ngày 14/5/2007 và Trần Văn Ngh, sinh ngày 27/02/2015. Hiện nay, cháu Y do ông Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Ngh do bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà A đồng ý giao cháu Y cho ông Nh tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Ngh bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng. Bà A và ông Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Phù hợp với văn bản trình bày ý kiến của cháu Trần Văn Vạn Y. Do đó, yêu cầu của bà A và ông Nh phù hợp với quy định tại các Điều 15, Điều 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đồng thời, bà A và ông Nh phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà A và ông Nh không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà A là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà A và ông Nh có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84; Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A. Không công nhận bà Trần Thị A và ông Phan Văn Nh là vợ chồng

2. Về con chung: Bà Trần Thị A tiếp tục nuôi con chung cháu Trần Văn Ngh, sinh ngày 27/02/2015. Ông Phan Văn Nh tiếp tục nuôi con chung cháu Trần Văn Vạn Y, sinh ngày 14/5/2007. Bà A, ông Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét

Bà A, ông Nh tạo điều kiện cho nhau trong việc trong việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Không ai được ngăn cản. Việc nuôi con không cố định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004389 ngày 21/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị A và ông Phan Văn Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang